TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16/01/2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

và bà Đinh Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Dương Thị H., sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Thôn K.H, xã L.K, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện tại Nhật Bản.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Chí Th., sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn K.H, xã L.K, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Thị Linh N., sinh ngày 10/8/2005;

2. Cháu Nguyễn Thị Thùy D., sinh ngày 06/6/2016;

Đều địa chỉ: Thôn K.H, xã L.K, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu N. và cháu Dương: Chị H. và anh Th., là bố mẹ đẻ.

* Người làm chứng:

1. Bà Phan Thị T1., sinh năm: 1958;

Địa chỉ : Thôn K.H, xã L.K, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Phan Thị T2., sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Thôn K.Th, xã L.K, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai nguyên đơn chị Dương Thị H. trình bày:

Chị H. và anh Nguyễn Chí Th. kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L.K vào ngày 01/12/2004. Sau khi kết hôn chị và anh Th. sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, về nuôi dậy con cái, và không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, năm 2019 chị đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, chị và anh Th. sống ly thân và không quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Nay chị H. xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Th. không còn, yêu cầu TAND tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Th..

Về con chung: Chị H. và anh Th. có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Linh N., sinh ngày 10/8/2005 và cháu Nguyễn Thuỳ Dương, sinh ngày 06/6/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh Th.. Khi ly hôn anh Th. nuôi cả hai con chung, chị H. cấp dưỡng nuôi con chung với anh Th. nuôi cháu N. là 2.000.000 đồng một tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Dương là 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu Dương và cháu N. đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị H. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí Th. trình bày:

Quá trình kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cũng như ly thân như chị H. đã trình bày là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H. không còn, chị H. xin ly hôn, anh Th. đồng ý. Về con chung: Về con chung và tài sản chung anh Th. đồng ý với quan điểm của chị H..

Chị H. và anh Th. đều đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu N. và cháu Dương trình bày: Mẹ các cháu là chị H. đang lao động ở nước ngoài, còn bố các cháu là anh Nguyễn Chí Th.. Bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của các cháu xin được ở với bố.

Người làm chứng là bà Phan Thị T2. (mẹ đẻ chị H.) và bà Phan Thị T1. (mẹ đẻ anh Th.) đều xác định anh Th. và chị H. sống không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Th., chị H.. Đối với bà T1. trình bày trường hợp anh Th. nuôi con chung thì bà nhất trí hỗ trợ anh Th. trong việc nuôi các cháu

Tại công văn số 23731 ngày 08/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Trường hợp chị Dương Thị H. có thông tin xuất cảnh ngày 30/7/2019 bằng hộ chiếu số C6551143 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị H.. Về án phí: Chị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Dương Thị H. có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Chí Th.. hiện nay chị H. đang làm việc và sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và những người chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và những người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị H. và anh Th. là hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trinh chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết bổn phận của người ấy, cả chị H. và anh Th. đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H. xin ly hôn, anh Th. đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H. và anh Th. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. xử chị H. được ly hôn anh Th. là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Chị H. và anh Th. có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Linh N., sinh ngày 10/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Thùy D., sinh ngày 06/6/2016. Hiện cả hai cháu đang ở với anh Th.. Ly hôn, cả chị H. và anh Th. đều thống nhất, để anh Th. nuôi cháu N. và cháu Dương, chị H. cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th. để nuôi cháu N. là 2.000.000 đồng/tháng và 1.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu Dương đến năm cháu Dương và cháu N. đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu N. và cháu Dương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận của

các đương sự. Chị H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H. và anh Th. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H..

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H. được ly hôn anh Nguyễn Chí Th..

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Chí Th. trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Thị Linh N., sinh ngày 10/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Thùy D., sinh ngày 06/6/2016. Chấp nhận sự thoả thuận của chị H. và anh Th., chị Dương Thị H. cấp dưỡng nuôi con chung với anh Th. là 2.000.000 đồng một tháng đối với cháu N. và 1.000.000 đồng một tháng đối với chị Dương tính từ tháng 01 năm 2023 đến năm cháu Dương và cháu N. đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Th. có đơn yêu cầu thi hành khoản cấp dưỡng nuôi con, nếu chị H. không thi hành hành phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung; không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, chị H. và anh Th. có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Chị H. và anh Th. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị H. phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000156 ngày

20/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị H. còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Chí Th. được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, chị Dương Thị H. được quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã L.K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng